

Số: 07/NQ-HĐKĐCLGD

*Đà Nẵng, ngày 22 tháng 4 năm 2018*

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục**  
**Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh**

---

Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục (sau đây gọi là Hội đồng) thuộc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng đã họp ngày 22/4/2018 để thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh. Hội đồng đã nghiên cứu Hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục. Hội đồng đã nghe đại diện lãnh đạo Nhà trường báo cáo tóm tắt kết quả tự đánh giá, đại diện Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài báo cáo tóm tắt quy trình và tổng hợp kết quả đánh giá ngoài. Trên cơ sở đó, Hội đồng đã thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua kết quả đánh giá chất lượng giáo dục đối với Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh với số phiếu tán thành là 10/11/11.

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu của phiên họp, Hội đồng

**QUYẾT NGHỊ:**

1. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện đánh giá chất lượng đúng các quy định hiện hành, độc lập, khách quan, công khai, minh bạch; Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Nhà trường. Nhà trường cũng đồng ý với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy, số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là 50 tiêu chí (trong tổng số 61 tiêu chí), chiếm 81,97%, trong đó, tất cả các tiêu chuẩn đều có ít nhất 01 tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” (Phụ lục 1).

2. Kết quả đánh giá cho thấy, Nhà trường có những điểm mạnh (Phụ lục 2), tuy nhiên cũng còn những điểm cần phải khắc phục, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Căn cứ Hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị với Nhà trường các giải pháp cải tiến chất lượng (Phụ lục 3).

3. Căn cứ theo Điều 27, Thông tư số 62/2012/BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng kiến nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh theo các quy định hiện hành.

**TM. HỘI ĐỒNG KĐCLGD  
CHỦ TỊCH**

*(đã ký)*

**GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM KĐCLGD – ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG  
PGS.TS. Đoàn Quang Vinh**

**PHỤ LỤC 1**  
**KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ (TĐG) VÀ ĐÁNH GIÁ NGOÀI (ĐGN)**  
**CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐKĐCLGD ngày 22 tháng 4 năm 2018 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – ĐHQĐHN)*

Tiêu chuẩn, Tiêu chí	TĐG	ĐGN
<b>Tiêu chuẩn 1:</b>		
Tiêu chí 1.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 1.2	Đạt	Đạt
<b>Tiêu chuẩn 2:</b>		
Tiêu chí 2.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 2.2	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 2.3	Đạt	Đạt
Tiêu chí 2.4	Đạt	Đạt
Tiêu chí 2.5	Đạt	Đạt
Tiêu chí 2.6	Đạt	Đạt
Tiêu chí 2.7	Đạt	Đạt
<b>Tiêu chuẩn 3:</b>		
Tiêu chí 3.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 3.2	Đạt	Đạt
Tiêu chí 3.3	Đạt	Đạt
Tiêu chí 3.4	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 3.5	Đạt	Đạt
Tiêu chí 3.6	Đạt	Chưa đạt
<b>Tiêu chuẩn 4:</b>		
Tiêu chí 4.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 4.2	Đạt	Đạt
Tiêu chí 4.3	Đạt	Đạt
Tiêu chí 4.4	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 4.5	Đạt	Đạt
Tiêu chí 4.6	Đạt	Đạt
Tiêu chí 4.7	Đạt	Đạt
<b>Tiêu chuẩn 5:</b>		
Tiêu chí 5.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 5.2	Đạt	Đạt
Tiêu chí 5.3	Đạt	Đạt
Tiêu chí 5.4	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 5.5	Đạt	Đạt
Tiêu chí 5.6	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 5.7	Đạt	Đạt
Tiêu chí 5.8	Đạt	Đạt

Tiêu chuẩn, Tiêu chí	TĐG	ĐGN
<b>Tiêu chuẩn 6:</b>		
Tiêu chí 6.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 6.2	Đạt	Đạt
Tiêu chí 6.3	Đạt	Đạt
Tiêu chí 6.4	Đạt	Đạt
Tiêu chí 6.5	Đạt	Đạt
Tiêu chí 6.6	Đạt	Đạt
Tiêu chí 6.7	Đạt	Đạt
Tiêu chí 6.8	Đạt	Đạt
Tiêu chí 6.9	Đạt	Đạt
<b>Tiêu chuẩn 7:</b>		
Tiêu chí 7.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 7.2	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 7.3	Đạt	Đạt
Tiêu chí 7.4	Đạt	Đạt
Tiêu chí 7.5	Chưa đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 7.6	Đạt	Đạt
Tiêu chí 7.7	Đạt	Đạt
<b>Tiêu chuẩn 8:</b>		
Tiêu chí 8.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 8.2	Đạt	Đạt
Tiêu chí 8.3	Đạt	Đạt
<b>Tiêu chuẩn 9:</b>		
Tiêu chí 9.1	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 9.2	Đạt	Đạt
Tiêu chí 9.3	Đạt	Đạt
Tiêu chí 9.4	Đạt	Đạt
Tiêu chí 9.5	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 9.6	Đạt	Đạt
Tiêu chí 9.7	Chưa đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 9.8	Đạt	Đạt
Tiêu chí 9.9	Đạt	Đạt
<b>Tiêu chuẩn 10:</b>		
Tiêu chí 10.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 10.2	Đạt	Đạt
Tiêu chí 10.3	Đạt	Đạt

**TỔNG HỢP CHUNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NGOÀI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Tiêu chuẩn	Số tiêu chí trong từng tiêu chuẩn	Kết quả đánh giá			
		Đạt		Chưa đạt	
		Số tiêu chí	Tỉ lệ	Số tiêu chí	Tỉ lệ
Tiêu chuẩn 1	2	2	100%	0	0%
Tiêu chuẩn 2	7	6	86%	1	14%
Tiêu chuẩn 3	6	4	67%	2	23%
Tiêu chuẩn 4	7	6	86%	1	14%
Tiêu chuẩn 5	8	6	75%	2	25%
Tiêu chuẩn 6	9	9	100%	0	0%
Tiêu chuẩn 7	7	5	71%	2	29%
Tiêu chuẩn 8	3	3	100%	0	0%
Tiêu chuẩn 9	9	6	67%	3	23%
Tiêu chuẩn 10	3	3	100%	0	0%
<b>Tổng</b>	<b>61</b>	<b>50</b>	<b>81,97%</b>	<b>11</b>	<b>18,03%</b>

**Tổng hợp**

Kết quả đánh giá	Đạt	Chưa đạt	Không đánh giá
Số tiêu chí/tổng số	50/61	11/61	0
Tỉ lệ %	81,97%	18,03%	0

**PHỤ LỤC 2**  
**CÁC ĐIỂM MẠNH CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐKĐCLGD ngày 22 tháng 4 năm 2018 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – ĐHQĐHN)*

**1. Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học**

Năm 2010, Nhà trường đã ban hành Chiến lược phát triển giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020. Tháng 5/2017, Nhà trường rà soát, hiệu chỉnh và ban hành Chiến lược phát triển 2017-2020, tầm nhìn đến 2030, xác định sứ mạng của Nhà trường: “Đào tạo những người ham học hỏi trở thành các công dân đáp ứng được những đòi hỏi không ngừng của thị trường lao động, có trách nhiệm với xã hội, có ý thức phát triển bản thân, có tri thức, có kỹ năng nghề nghiệp cần thiết, đặc biệt là ngoại ngữ và tin học, thông qua các trải nghiệm thực tế”. Sứ mạng Nhà trường phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, cũng như định hướng phát triển Trường, phù hợp với nguồn lực hiện có, đồng thời gắn kết với Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011-2020 do Thủ tướng Chính phủ ban hành. Nhà trường đã xác định rõ mục tiêu chủ yếu là đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao, phục vụ hiệu quả sự phát triển kinh tế xã hội, tiếp cận xu thế thời đại; xác định rõ nhiệm vụ của Nhà trường là đào tạo đại học và sau đại học, NCKH và chuyển giao công nghệ đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao, hội nhập và tiếp cận trình độ khu vực và quốc tế. Nhà trường đã xác định mục tiêu cụ thể của từng lĩnh vực công tác: Đào tạo đại học và SDH, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế..., đồng thời đã đề ra các chỉ tiêu và giải pháp thực hiện nhằm đạt được mục tiêu chiến lược đề ra. Nhà trường đã xây dựng các kế hoạch chiến lược ngắn hạn thông qua các nghị quyết lãnh đạo công tác năm học của Đảng ủy, nhiệm vụ công tác năm học... Mục tiêu của Nhà trường phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học được quy định bởi Luật Giáo dục và Luật Giáo dục đại học, hoàn toàn phù hợp với tầm nhìn đã tuyên bố. Nhà trường đã có hai lần rà soát, điều chỉnh một số mục tiêu cụ thể dựa trên tình hình triển khai thực tế. Mục tiêu của Nhà trường đã được tất cả đơn vị trong toàn Trường triển khai thực hiện, thể hiện qua các nghị quyết lãnh đạo công tác năm học của Đảng ủy, nhiệm vụ công tác trọng tâm năm học, báo cáo tổng kết/phương hướng công tác năm học...

**2. Tổ chức và quản lý**

Nhà trường xây dựng cơ cấu tổ chức theo quy định của Điều lệ trường đại học được cụ thể hoá trong các Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường. Trong

quá trình phát triển, cơ cấu tổ chức của Trường có sự điều chỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu của tình hình mới. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các bộ phận và cá nhân được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường. Nhà trường cũng ban hành nhiều quyết định quy định cụ thể về tổ chức và nhiệm vụ của tất cả các đơn vị. Nhà trường có hệ thống văn bản để tổ chức và quản lý các hoạt động trong từng lĩnh vực công tác; thực hiện đầy đủ việc báo cáo định kỳ và đột xuất đến Bộ GD&ĐT cùng các đơn vị liên quan; có cán bộ chuyên trách tiếp nhận và xử lý văn bản tại phòng Đối ngoại - Tổng hợp - Hành chính và các đơn vị. Từ năm học 2014-2015, Nhà trường thực hiện xây dựng và quản lý văn bản theo quy trình ISO 9001:2008 và bắt đầu triển khai việc quản lý hành chính điện tử trong năm học 2016-2017.

Tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội SV và Hội CCB được thành lập theo đúng quy định, được Nhà trường hỗ trợ phân bổ kinh phí cho việc triển khai kế hoạch hoạt động và được các cấp khen thưởng về thành tích trong hoạt động. Nhà trường có Ban ĐBCL&TTGD, Hội đồng ĐBCLGD trường và các Tổ ĐBCL tại các đơn vị. Đội ngũ làm công tác ĐBCL của trường hầu hết có học vị thạc sĩ, có 3 nghiên cứu sinh chuyên ngành quản lý giáo dục, trong đó 01 người đã có thể kiểm định viên chất lượng giáo dục. Ban ĐBCL&TTGD có kế hoạch hoạt động ĐBCL và báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch hằng năm.

Nhà trường đã ban hành các văn bản về chiến lược phát triển trong đó “Chiến lược phát triển Trường ĐH NN - TH TP.HCM giai đoạn 2017-2020, tầm nhìn 2030” định hướng phát triển Nhà trường thành trường đại học đa ngành, đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cao, đủ năng lực hội nhập với khu vực và thế giới. Kế hoạch chiến lược phát triển dài hạn xác định những mục tiêu và giải pháp cụ thể cho các lĩnh vực hoạt động chính trong từng giai đoạn phân đầu.

### **3. Chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo các ngành/chuyên ngành của Nhà trường được xây dựng trước năm 2011 và tính từ năm 2011 đến thời điểm đánh giá, Nhà trường đã mở mới thêm 6 ngành/chuyên ngành đào tạo. CTĐT đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học. Các CTĐT được điều chỉnh và được thiết kế phù hợp với các yêu cầu của Bộ GD&ĐT. Nhà trường đã ban hành các quy trình, quy định và hướng dẫn về điều chỉnh CTĐT. Chuẩn đầu ra của các CTĐT được ban hành từ năm 2013 và được điều chỉnh năm 2017. Công tác hợp tác quốc tế liên quan đến đào tạo của Nhà trường được triển khai tốt trong thời gian

qua. Việc mở mới các ngành/chuyên ngành nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội, đáp ứng nhu cầu nhân lực cho thị trường lao động.

#### **4. Hoạt động đào tạo**

Nhà trường áp dụng các hình thức đào tạo khác nhau, thực hiện liên kết đào tạo với các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước nhằm đáp ứng nhu cầu của người học. Quy trình thực hiện chuyển đào tạo theo niên chế sang học chế tín chỉ của Nhà trường được thực hiện linh hoạt và thích hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học. Phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường hoạt động có chất lượng và hiệu quả. Nhà trường đã ban hành các quy định về công tác tổ chức các hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả người học, được ban hành hợp lý và đúng quy định; đã ban hành kế hoạch và sử dụng ngân hàng câu hỏi thi đối với một số học phần cơ bản.

Nhà trường đã ban hành nhiều quy định, quy trình về đào tạo, trong đó quy định rõ ràng về việc nhập điểm, quét điểm, thông báo kết quả học tập cho người học. Kết quả học tập được công bố kịp thời trên trang web của Trường, người học truy cập thông qua tài khoản cá nhân. Kết quả học tập được lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường dưới dạng tệp tin điện tử và dưới dạng văn bản. Các hồ sơ về đào tạo đại học và sau đại học được lưu trữ theo quy định tại Phòng Đào tạo, bộ phận phụ trách sau đại học, tại kho lưu trữ của Trường, cũng như tại các khoa. Văn bằng được cấp phát với đầy đủ các thông tin theo quy định. Thông tin về tốt nghiệp, về văn bằng có thể được truy cập từ trang web của Trường.

Cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo được lưu trữ tại website: [daotao.huflit.edu.vn](http://daotao.huflit.edu.vn). Dữ liệu về đào tạo, về tình hình việc làm/thu nhập của SVTN... được lưu trữ thông qua phần mềm đào tạo, cũng như tại các bộ phận liên quan và tại kho lưu trữ của Nhà trường và các đơn vị. Dữ liệu liên quan các điều kiện ĐBCL về GV và học liệu được công khai hằng năm trên website của Nhà trường.

Nhà trường xây dựng kế hoạch và triển khai đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên thông qua việc lấy ý kiến người học sau kết thúc mỗi học kỳ. Hằng năm, Nhà trường đều xây dựng kế hoạch đánh giá chất lượng người học sau khi ra trường, thông qua ý kiến phản hồi của người học, của nhà sử dụng lao động; xây dựng kế hoạch điều chỉnh hoạt động giảng dạy và đào tạo dựa trên ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Việc khảo sát SVTN và người sử dụng lao động thông qua nhiều hình thức: phiếu khảo sát, email, website...

Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi của nhà sử dụng lao động đối với sinh viên tốt nghiệp đối với các khoa và các ngành đào tạo. Hằng năm, Nhà trường cũng đã tiến hành khảo sát ý kiến người học trước khi tốt nghiệp. Ban ĐBCL&TTGD tổng hợp ý kiến đóng góp của SVTN về CTĐT và hoạt động đào tạo và đề xuất các khoa triển khai rà soát, hiệu chỉnh CTĐT và hoạt động đào tạo. Các khoa cũng đã có báo cáo các giải pháp triển khai thực hiện khắc phục các ý kiến đóng góp của nhà tuyển dụng và cựu SV.

### **5. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên**

Hằng năm, Nhà trường có kế hoạch tuyển dụng và thực hiện tuyển dụng theo đúng quy trình với các tiêu chí và chỉ tiêu tuyển dụng rõ ràng, công khai. Trong giai đoạn 2012 – 2017, Nhà trường đã tuyển dụng 196 giảng viên. Công tác quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ của Nhà trường được thực hiện rõ ràng, minh bạch. Đội ngũ CB, GV, NV của Nhà trường đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đối với công tác quản lý đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của Trường, được đánh giá có phẩm chất đạo đức và hoàn thành tốt nhiệm vụ. Trong những năm qua, đội ngũ CBQL của Nhà trường được tập thể đánh giá có phẩm chất đạo đức, hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. CBQL là đảng viên không vi phạm các quy định về đạo đức, cán bộ đảng viên không vi phạm những điều đảng viên không được làm. Nhiều CBQL đạt các danh hiệu thi đua, được cấp Bằng khen cấp Thành phố, Bộ GD&ĐT và Chính phủ. Nhà trường đã thành lập Hội đồng quản trị theo đúng quy định, được UBND thành phố Hồ Chí Minh công nhận và trong nhiệm kỳ hiện nay bao gồm 8 thành viên.

Nhà trường đã thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở thông qua nhiều hình thức khác nhau như: Bố trí các thùng thư góp ý và công bố số điện thoại đường dây nóng để CB, GV, SV kịp thời phản ánh các vấn đề còn tồn tại của Trường; định kỳ tổ chức giao ban, hội ý giữa Lãnh đạo Trường với Trưởng các đơn vị; tổ chức gặp gỡ CBVC, đối thoại với sinh viên; bố trí lịch tiếp CB, GV, NV, SV hằng tuần. Các văn bản liên quan quy định, quy chế, kế hoạch đều được các tổ chức và đơn vị thảo luận góp ý trước khi ban hành chính thức. Mọi khiếu nại, thắc mắc của CB, GV, NV đã được giải quyết kịp thời và thỏa đáng thông qua sự phối hợp của Đảng ủy, BGH, Công đoàn, bộ phận Thanh tra thuộc Ban ĐBCL&TTGD.

Số lượng GV tính chung cho toàn trường đạt tỷ lệ 24.3% SV/GV, trong đó số lượng GV có trình độ từ ThS trở lên đạt tỷ lệ 86.1%. Các ngành đào tạo đều có đủ thành phần giảng viên cơ hữu theo quy chuẩn mở ngành. Cơ cấu chuyên môn



của GV phù hợp với nhiệm vụ đào tạo, các ngành đều có giảng viên trình độ TS. Giảng viên được bố trí giảng dạy đúng theo chuyên môn được đào tạo và đào tạo lại.

Với số lượng 69 kỹ thuật viên và nhân viên hiện nay, Nhà trường có đủ đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên có năng lực chuyên môn phục vụ cho các hoạt động của Trường. Nhà trường có chính sách hỗ trợ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đối với đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên nhằm nâng cao trình độ cho đội ngũ phục vụ. Đội ngũ chuyên viên, kỹ thuật viên, nhân viên của Nhà trường được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó một số chuyên viên đã thực hiện nghiên cứu khoa học, đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở.

Nhà trường áp dụng chính sách khuyến khích, hỗ trợ tạo điều kiện cho CBQL và GV tham gia các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước. Nhà trường đồng thời có các chính sách hỗ trợ cán bộ đi học cao học, nghiên cứu sinh và có chế độ khen thưởng cho việc công bố các công trình khoa học trên các tạp chí quốc tế có uy tín thuộc danh mục ISI, Scopus. Trong giai đoạn từ 2012 – 2017, Nhà trường đã hỗ trợ kinh phí cho 88 lượt CB, GV tham gia các hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước với tổng kinh phí hơn 2 tỷ đồng.

## **6. Người học**

Nhà trường đã hướng dẫn và cung cấp đầy đủ cho người học các thông tin về chương trình đào tạo, quy chế đào tạo và các quy định khác liên quan đến công tác đào tạo của Trường. Người học được bảo đảm hưởng mọi chế độ chính sách xã hội theo quy định của Nhà nước. Đảng ủy đã tạo điều kiện để các hoạt động của Đoàn Thanh niên, Hội SV được thực hiện có hiệu quả, thu hút nhiều SV tham gia các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, qua đó rèn luyện ý thức chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho SV. Nhà trường đã có các biện pháp hỗ trợ người học tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp. Nhà trường đã tổ chức các dịch vụ hỗ trợ sinh viên như trang bị hệ thống wifi miễn phí, phòng Internet, thư viện điện tử, giới thiệu chương trình vay vốn, tìm kiếm chỗ trọ, tổ chức khám chữa bệnh, tư vấn tâm lý. Định kỳ Nhà trường tổ chức đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng, Lãnh đạo các đơn vị đào tạo và phục vụ của Trường với sinh viên nhằm nắm bắt tâm tư nguyện vọng của sinh viên, từ đó đưa các giải pháp nhằm hỗ trợ sinh viên một cách hiệu quả. Trường đã có nhiều SV đạt thành tích cao trong các kỳ thi quốc tế, quốc gia và thành phố. Trong quá trình học, SV được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên và chất lượng đào tạo của Nhà trường.

## **7. Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ**

Xác định NCKH, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy định về quản lý hoạt động KHCN của Trường, xây dựng kế hoạch KHCN hằng năm và triển khai cụ thể đến các đơn vị trong trường. Các đề tài NCKH của Trường được tuyển chọn, phê duyệt và ký hợp đồng đúng quy định; phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của trường ĐH, gắn với mục tiêu đào tạo và ứng dụng vào quá trình đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và góp phần giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Nhà trường đã tích cực hợp tác với các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước thực hiện các hoạt động KHCN như: Phối hợp tổ chức các hội thảo, tọa đàm mang tính quốc tế; phối hợp nghiên cứu, viết chung bài công bố trên các tạp chí, v.v... Kết quả NCKH của CB, GV đã được công bố trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế, phù hợp với định hướng nghiên cứu và phát triển KHCN của Nhà trường. Trong giai đoạn 2012-2017, Trường đã có 259 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế, trong đó có 26 bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế (có 01 bài thuộc danh mục ISI và 01 bài thuộc danh mục Scopus). Nhà trường đã nâng cấp Tập san thành Tạp chí Khoa học vào năm 2015 với mã số ISSN (2354-113X); tăng mức thưởng bài báo trên các tạp chí quốc tế có uy tín (ISI, Scopus,...) lên mức 40 triệu đồng/bài. Trong giai đoạn 2012-2017, Nhà trường có 02 đề tài Nafosted, 03 đề tài NCKH Sinh viên đạt giải thưởng “Tài năng khoa học trẻ”, 03 giải thưởng Eureka; có 01 GV của trường tham gia chủ biên công trình “Dự thảo Luật Tiếng Việt” do Bộ Khoa học-Công nghệ chủ trì. Nhà trường đã chuyển giao một số (05) kết quả nghiên cứu cho các công ty tin học.

Nhà trường đã ban hành quy định về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong hoạt động KHCN và phổ biến, hướng dẫn giảng viên về quy định về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong hoạt động KHCN, về quyền sở hữu trí tuệ trong nghiên cứu. Nhà trường có 02 cá nhân được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN.

## **8. Hoạt động hợp tác quốc tế**

Nhà trường đã ban hành hệ thống văn bản và quy trình hoạt động đối ngoại và HTQT, có chế độ kiểm tra, giám sát, có sự phân công, phân cấp rõ ràng đối với các đơn vị liên quan nhằm tổ chức thực hiện hoạt động HTQT theo đúng chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước và theo các quy định của Trường.

Hàng năm, Nhà trường đều có kế hoạch và triển khai hoạt động đối ngoại và HTQT phù hợp với mục tiêu, chiến lược phát triển của Trường. Kết thúc mỗi năm học Nhà trường đều tổ chức tổng kết, đánh giá, báo cáo Bộ GD&ĐT và các cơ quan chức năng liên quan.

Nhà trường có sự quan tâm đặc biệt đến công tác đối ngoại và HTQT ngay từ những ngày đầu thành lập và liên tục đến nay; thực hiện hiệu quả công tác hữu nghị và ngoại giao nhân dân với 12 chi hội hữu nghị hoạt động tại trường, góp phần làm tốt chủ trương, chính sách về công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế của Đảng và Nhà nước.

Nhà trường nhận được nhiều nguồn hỗ trợ của các cơ quan, tổ chức và đối tác nước ngoài, trong giai đoạn 2012-2017 đã nhận được trên 31 tỉ đồng. Nhiều tổ chức quốc tế và các trường ĐH nước ngoài đã hỗ trợ chuyên gia, tình nguyện viên đến giảng dạy, báo cáo chuyên đề, tham gia các hoạt động trao đổi học thuật tại trường. Giai đoạn 2012-2017, Trường đã triển khai thực hiện 34 văn bản hợp tác về liên kết đào tạo, trao đổi sinh viên, giao lưu văn hóa - học thuật, phối hợp tổ chức hội thảo, hội nghị, đào tạo nguồn nhân lực, khởi nghiệp sáng tạo, nghiên cứu, bồi dưỡng chuyên môn,...

### **9. Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác**

Nhà trường đã quan tâm đầu tư cho Thư viện, cơ bản đáp ứng nhu cầu cập nhật, bổ sung sách, giáo trình, tài liệu. Thư viện Nhà trường có phần mềm hỗ trợ cho công tác tổ chức, quản lý phù hợp, có tài khoản cho phép người đọc tiếp cận cơ sở dữ liệu điện tử nước ngoài. Nhà trường đã có nỗ lực trong việc hợp đồng thuê các cơ sở ở trung tâm thành phố để tổ chức hoạt động và đầu tư xây dựng cơ sở mới để đảm bảo sự phát triển ổn định của Trường. Số lượng các phòng học, phòng thực hành cùng các trang thiết bị âm thanh, máy chiếu, máy tính phù hợp, đáp ứng hoạt động dạy, học và NCKH. Các phòng làm việc được trang bị tương đối đầy đủ các máy móc, thiết bị cần thiết, có các phần mềm chuyên dụng, được kết nối mạng internet/intranet; mạng wi-fi được phủ sóng toàn trường. Công tác an ninh trật tự, bảo vệ tài sản và phòng cháy chữa cháy của Nhà trường được đảm bảo.

### **10. Tài chính và quản lý tài chính**

Nhà trường có chiến lược và giải pháp để tạo nguồn thu hợp pháp để đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng đầy đủ nhu cầu phát triển của Trường. Nhà trường tự chủ trong việc lập kế hoạch tài chính và phân bổ tài chính cho các hoạt động cụ thể

theo kế hoạch chung và tình hình thực tế của Trường. Tất cả hoạt động thu chi đều được thực hiện theo quy trình và biểu mẫu được chuẩn hoá theo quy định.

Việc lập tài chính được thực hiện theo quy trình, có sự tham gia đề xuất của các đơn vị nên sự phân bổ kinh phí đảm bảo cho các hoạt động của Trường. Trong điều kiện cần nguồn vốn đầu tư phát triển, Nhà trường vẫn dành kinh phí với tỷ lệ khá cao (từ 3,8% đến 4,8%) cho phúc lợi, khen thưởng, chính sách, hoạt động công đoàn, ĐTN, HSV, cấp học bổng cũng như trợ cấp cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn.

Hàng năm, ngoài việc tiến hành kiểm tra tài chính nội bộ với sự tham gia của bộ phận Thanh tra và Ban kiểm soát HĐQT, Nhà trường còn mời công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính. Báo cáo tại Hội nghị người lao động được tổ chức hằng năm và khảo sát các ý kiến phản hồi của các bộ phận liên quan trong đợt khảo sát chính thức cho thấy rằng sự phân bổ kinh phí của Nhà trường đã đáp ứng cho các hoạt động của Trường.

**PHỤ LỤC 3**  
**CÁC KHUYẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐỐI VỚI**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐKĐCLGD ngày 22 tháng 4 năm 2018 của Hội đồng*  
*Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – ĐHQĐHN)*

**1. Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học**

Khi xây dựng, điều chỉnh chiến lược phát triển, Nhà trường cần kịp thời cập nhật thông tin về Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ TP. HCM lần thứ X nhiệm kỳ 2015-2020 cũng như Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 của TP. HCM và các vùng phụ cận.

**2. Tổ chức và quản lý**

Nhà trường nên điều chỉnh sơ đồ cơ cấu tổ chức và mô tả các đơn vị trên website cho rõ ràng và đầy đủ hơn; cần tổ chức rà soát và đánh giá việc xây dựng và triển khai hệ thống văn bản của Trường; tiếp tục phát huy việc xây dựng và quản lý văn bản theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 đến tất cả đơn vị để đảm bảo các văn bản ban hành được cập nhật kịp thời, thể thức và nội dung được thống nhất, chính xác. Nhà trường nên rà soát tính hiệu quả, đồng thời cân đối về quy mô phát triển, tình hình tài chính đối với việc giao nhiệm vụ kiêm nhiệm cho các đơn vị chức năng; thống nhất tên gọi “Phòng” cho các đơn vị như Phòng ĐBCL&TTGD, Phòng KH-HT-ĐTSDH.

**3. Chương trình đào tạo**

Nhà trường cần tập trung nâng cao chất lượng các CTĐT là thế mạnh của Nhà trường, tăng cường phát triển các chương trình tiên tiến, các chương trình thạc sĩ. Việc mở mới các CTĐT cần được thực hiện việc đối sánh và lấy ý kiến các bên liên quan. Nhà trường cần bổ sung hơn nữa các môn học thực tế, tăng cường kỹ năng mềm cho người học. Nhà trường cần có kế hoạch được xây dựng cho quy trình tự đánh giá và đánh giá các CTĐT; thực hiện đầy đủ, đúng quy trình, quy định về việc xây dựng và điều chỉnh CTĐT; thường xuyên rà soát các CTĐT theo quy định, đặc biệt là CTĐT thạc sĩ. Nhà trường cần ban hành quy định đối với việc thực hiện liên thông ngang, liên thông dọc đối với các CTĐT của Trường.

**4. Hoạt động đào tạo**

Nhà trường cần triển khai tổ chức thi trực tuyến nhằm giảm thời gian và tăng tính khách quan của các kỳ thi. Nhà trường cần tiến hành xây dựng và triển khai thực hiện hệ thống ngân hàng câu hỏi, đề thi đối với tất cả các học phần của

các CTĐT. Nhà trường cần tăng cường công tác bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ, trình độ chuyên môn của GV nhằm làm phong phú và hiệu quả hơn hoạt động giảng dạy.

Nhà trường cần ban hành quy định về công tác lưu trữ hồ sơ về đào tạo, hồ sơ sinh viên, tài liệu chuyên môn nghiệp vụ theo Thông tư số 27/2016/TT-BGD&ĐT ngày 30/12/2016; cần tổ chức lại việc lưu trữ hồ sơ đào tạo, nghiệp vụ giáo dục một cách bài bản hơn nhằm dễ truy tìm khi cần thiết.

Nhà trường cần công khai tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử; cần tăng thêm số mẫu khảo sát việc làm SVTN theo yêu cầu của Công văn số 2919/BGD&ĐT-GDDH ngày 10/07/2017 của Bộ GD&ĐT về khảo sát tình hình việc làm sinh viên.

Trong kế hoạch hoạt động của Ban ĐBCL&TTGD hằng năm cần nêu rõ ràng hơn về kế hoạch khảo sát ý kiến của nhà tuyển dụng về chất lượng người học sau khi ra trường; cần thực hiện thường xuyên hơn việc khảo sát ý kiến phản hồi của người sử dụng lao động về chất lượng người học. Các báo cáo tổng hợp ý kiến phản hồi cần được tách riêng cho từng ngành đào tạo của khoa.

#### **5. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên**

Nhà trường cần xây dựng kế hoạch dài hạn, trung hạn về bồi dưỡng CB, GV, NV, đồng thời chủ động và tăng cường tổ chức các khóa bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ CB, GV, NV tại trường, trong đó chú trọng bồi dưỡng phương pháp giảng dạy và đổi mới phương pháp giảng dạy cho GV trẻ; bồi dưỡng kỹ năng mềm cho đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên.

Nhà trường định kỳ hằng năm cần tăng cường tổ chức các khóa bồi dưỡng tiếng Anh cho GV để tiến tới tổ chức cho GV sử dụng tiếng Anh trong giảng dạy các môn chuyên ngành, góp phần thực hiện sứ mạng và cụ thể hóa tầm nhìn của Trường.

Nhà trường cần khẩn trương ban hành văn bản chính thức quy định về đào tạo, bồi dưỡng CB, GV và NV; đồng thời, bổ sung, điều chỉnh kịp thời chế độ hỗ trợ đối với kết quả đào tạo của CB, GV đạt được học vị TS, cũng như tăng cường áp dụng các chế độ, chính sách thu hút nguồn nhân lực có học hàm, học vị TS về công tác tại trường.

Nhà trường cần xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ GV và có kế hoạch tuyển dụng GV có trình độ TS, đặc biệt là đối với các ngành hiện có tỷ lệ GV là TS còn thấp như: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quan hệ quốc tế.

Nhà trường cần xây dựng kế hoạch đào tạo sau đại học đối với GV trong toàn trường, tăng cường áp dụng các chính sách động viên, khuyến khích và thực hiện nghiêm quy định đối với thời gian GV phải hoàn thành đào tạo sau đại học (5 năm) ở bậc cao hơn, nhằm đảm bảo tất cả GV của Trường đạt chuẩn về trình độ đào tạo theo quy định cũng như tăng cường số lượng GV có học vị TS.

Nhà trường cần rà soát hồ sơ GV để xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ GV, nhằm đảm bảo độ tuổi trung bình của GV cơ hữu có xu hướng giảm, giữ độ tuổi trung bình từ 35-50, đồng thời đảm bảo số lượng theo thâm niên dưới 10 năm, từ 10-20 năm và trên 20 năm được cân bằng; trong thời gian tới cần chú trọng tuyển dụng GV có thâm niên công tác từ 10-25 năm.

Nhà trường cần kịp thời bổ nhiệm các CBQL là trưởng đơn vị của các phòng/khoa (Phòng Đào tạo, Ban Khảo thí, Khoa Ngoại ngữ, Khoa Quan hệ quốc tế,...) và một số bộ môn thuộc khoa (Bộ môn Du lịch khách sạn, Bộ môn Quản trị nhân sự,...) nhằm nâng cao hiệu quả quản lý của Trường.

Hàng năm, Nhà trường cần tiến hành đánh giá và thể hiện trong các văn bản báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ của các Hội đồng tư vấn như: Hội đồng ĐBCL, Hội đồng KH&ĐT.

## **6. Người học**

Nhà trường cần chú ý cải tiến hình thức tổ chức, phương pháp truyền đạt nhằm thu hút người học trong “Tuần sinh hoạt công dân-HSSV” đầu năm học, sớm ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ và kịp thời bổ sung căn cứ Thông tư 57 vào Quyết định Quy định về đào tạo cao đẳng, đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường.

Nhà trường cần sớm triển khai việc xây dựng KTX, sân chơi, bãi tập phục vụ chỗ ở và các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao của người học, cần tăng cường phối hợp với gia đình và chính quyền địa phương trong việc quản lý sinh viên ngoại trú. Nhà trường cần tổ chức các đợt khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học để đánh giá tính hiệu quả của các biện pháp do Nhà trường đề ra nhằm hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt của người học.

Đảng ủy, các tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội SV cần tăng cường hơn nữa việc giáo dục, tuyên truyền, vận động và bồi dưỡng Đoàn viên ưu tú có đủ phẩm chất đứng vào hàng ngũ của Đảng, góp phần tăng số lượng người học được kết nạp vào Đảng hằng năm.

Nhà trường cần rà soát cập nhật bổ sung chương trình đào tạo sao cho phù

hợp với nhu cầu thực tế của các nhà tuyển dụng; tăng cường hơn nữa việc tổ chức các cuộc gặp gỡ, tọa đàm giữa Nhà trường với các nhà tuyển dụng, giữa SV năm cuối với cựu SV nhằm tìm kiếm giải pháp giúp SV trong năm đầu sau khi ra trường tìm được việc làm đúng ngành đào tạo.

### **7. Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ**

Nhà trường cần định kỳ rà soát Chiến lược phát triển KHCN nhằm điều chỉnh, bổ sung Chiến lược cho phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của Nhà trường; tiến hành rà soát, điều chỉnh Quy định về quản lý hoạt động KHCN của Trường; áp dụng các biện pháp cụ thể nhằm đẩy mạnh hoạt động chuyển giao công nghệ, tăng cường hợp tác với các viện nghiên cứu, các trường ĐH khác và đặc biệt là các doanh nghiệp trong việc thực hiện các đề tài NCKH nhằm tăng khả năng ứng dụng của các đề tài trong thực tiễn, cũng như tăng nguồn thu từ hoạt động KHCN của Trường.

Nhà trường cần áp dụng các chính sách động viên, khuyến khích đội ngũ cán bộ, giảng viên tìm kiếm và thực hiện các đề tài với các đối tác bên ngoài; ban hành quy chế hoạt động và thành lập các nhóm nghiên cứu – giảng dạy (TRT), tạo điều kiện để họ tìm kiếm và thực hiện các đề tài NCKH đặc biệt là đối với các đối tác quốc tế; tăng cường hỗ trợ tài chính đối với việc đăng các bài báo trên các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế, cụ thể là các tạp chí khoa học thuộc danh mục ISI, SCI.

### **8. Hoạt động hợp tác quốc tế**

Nhà trường cần đa dạng hóa các đối tác quốc tế thông qua việc mở rộng HTQT với các trường ĐH ở các quốc gia ngoài các đối tác hiện có ở khu vực Đông Bắc Á; tăng cường liên kết đào tạo sau đại học với các cơ sở đào tạo có uy tín ở nước ngoài; tăng cường phối hợp tổ chức nhiều hội thảo, hội nghị khoa học quốc tế tại trường để khẳng định thế mạnh và nâng cao uy tín, học hiệu của Trường.

Nhà trường cần tạo điều kiện để CB, GV có các công trình NCKH, bài báo công bố chung với các chuyên gia uy tín của nước ngoài; tăng nguồn kinh phí đối ứng cho liên kết NCKH với các đối tác nước ngoài.

### **9. Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác**

Nhà trường cần tập trung đầu tư để hoàn thiện và sớm đưa vào sử dụng tòa nhà được xây dựng tại huyện Hóc Môn và có các giải pháp ưu tiên trong việc đầu tư nhằm tăng số bản giáo trình, đồng thời mở rộng và đa dạng không gian hoạt



động của Thư viện. Bên cạnh đó, cần có phương án huy động các nguồn lực bên trong và bên ngoài để tiếp tục đầu tư, mở rộng cơ sở vật chất phù hợp với quy mô phát triển của Nhà trường, đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn TCVN 3981-85 và chuẩn quốc gia đối với cơ sở giáo dục đại học. Đồng thời, Nhà trường cần đầu tư nâng cấp chất lượng các cơ sở hiện có để đảm bảo đáp ứng nhu cầu dạy, học và quản lý của Nhà trường. Nhà trường cần đầu tư xây dựng hoặc trước mắt cần hợp đồng thuê KTX, sân bãi gần các cơ sở đào tạo để đáp ứng nhu cầu về chỗ ở nội trú và tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, văn hóa văn nghệ và các sinh hoạt ngoại khóa cho SV.

#### **10. Tài chính và quản lý tài chính**

Nhà trường cần tổ chức đánh giá đầy đủ về việc triển khai các giải pháp để tăng nguồn thu như kế hoạch đã đưa ra trong Chiến lược phát triển làm cơ sở cho việc xây dựng các kế hoạch trung hạn và ngắn hạn để tăng các nguồn thu hợp pháp đáp ứng nhu cầu và kế hoạch phát triển bền vững của Trường.

Nhà trường cần tăng cường nhân sự có chuyên môn về tài chính, tổ chức đánh giá tính hiệu quả của việc sử dụng kinh phí cho các hoạt động trong năm trước để việc lập kế hoạch tài chính phù hợp cho năm tiếp theo. Nhà trường sớm ban hành quy chế chi tiêu nội bộ làm căn cứ cho các hoạt động thu chi.

Đồng thời với việc tăng tỷ lệ chi cho KHCCN, Nhà trường cần đánh giá kế hoạch và việc triển khai hoạt động KHCCN trong những năm qua, đề ra các chính sách khuyến khích cũng như chế tài phù hợp hơn nhằm thúc đẩy giảng viên và sinh viên tham gia phát triển hoạt động KHCCN. Nhà trường cũng cần đẩy nhanh tiến độ xây dựng và đưa vào sử dụng cơ sở tại Học Môn để giảm chi phí thuê mặt bằng như hiện nay.